

Số: 19/2021/QĐST-HNGĐ

Sông Lô, ngày 22 tháng 3 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG LÔ, TỈNH VĨNH PHÚC

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Khương Đặng Khánh Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Thuận

2. Bà Nguyễn Thị Hưng

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;
Điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào vụ án dân sự thụ lý số: 107/2020/TLST - HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Thôn Kh, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Kim Hồng Thanh, Trợ giúp viên pháp lý - Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Phúc;

Bị đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Thôn Kh, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Văn L1, sinh năm 1956;

Bà Lê Thị T1, sinh năm 1959;

Đều cùng địa chỉ: Thôn Kh, xã Đ, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc;

Chị Bùi Thị Th, sinh năm 1990; Địa chỉ: Thôn S, xã C, huyện Sông Lô, tỉnh Vĩnh Phúc;

Bà Trần Thị H, sinh năm 1950; Địa chỉ: Thôn Ph, xã A, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn T và chị Bùi Thị L.

2.2. Về nuôi con: Anh T và chị L xác nhận vợ chồng có ba con chung là Trần Thị Thu Tr, sinh ngày 24/5/2005, Trần Ngọc A, sinh ngày 15/02/2007 và Trần Quốc T2, sinh ngày 20/8/2014. Hiện nay cả ba con đang ở cùng anh T. Ly hôn anh T và chị L thỏa thuận để anh T được trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con và chị không phải cấp dưỡng nuôi con. Không ai được ngăn cản quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

2.3. Về tài sản chung: Anh T và chị L xác nhận vợ chồng có tài sản chung gồm: 01 nhà cấp bốn 03 gian mái tôn, sườn gỗ, tường xây gạch chỉ 220 xây dựng năm 2008 diện tích 69,68 m² có trị giá 87.631.376 đồng (giá trị sử dụng còn lại 60%); 01 trần tôn sườn thép diện tích 69,68 m² trị giá 10.410.192 đồng (giá trị sử dụng còn lại 60%); 01 nhà bếp mái proximãng, sườn gỗ, tường xây gạch chỉ 110 diện tích 21,52 m² trị giá 23.178.120 đồng (giá trị sử dụng còn lại 80%); 01 nền sân lát gạch đất nung xây dựng năm 2013 diện tích 94,24 m² trị giá 6.936.064 đồng (giá trị sử dụng còn lại 80%); Các tài sản trên được xây dựng trên diện tích đất mang tên anh Trần Văn T (quyền sử dụng đất được tặng cho riêng anh T); 01 tủ lạnh đã cũ trị giá 500.000 đồng; 01 tủ quần áo bằng nhôm trị giá 1.500.000 đồng; 01 téc nước Sơn Hà 1200L trị giá 2.000.000 đồng; 01 giường gỗ trị giá 1.500.000 đồng; Tổng trị giá tài sản là 133.695.752 đồng (bằng chữ: một trăm ba mươi ba triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn bảy trăm năm mươi hai đồng).

Ly hôn anh T và chị L thỏa thuận để anh T được sử dụng toàn bộ tài sản và không phải thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho chị Lan.

2.4 Về tài sản riêng: Anh Trần Văn T phải trả lại cho chị Bùi Thị L 05 chỉ vàng 9999 x 5.200.000 đồng/ 01 chỉ trị giá 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) vào ngày 30/4/2021.

Kể từ ngày chị L có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh T không tự nguyện thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi xuất quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.5 Về công nợ: Anh T và chị L xác nhận và thỏa thuận: Anh T có trách nhiệm trả nợ cho bà Trần Thị H số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Chị L có trách nhiệm trả nợ cho chị Bùi Thị Th số tiền 20.000.000 đồng và 04 chỉ vàng 9999 x 5.200.000 đồng/01 chỉ trị giá 20.800.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi triệu tám trăm nghìn đồng). Trường hợp anh T và chị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với bà H và chị Th thì bà H và chị Th có quyền yêu cầu khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

2.6. Về chi phí định giá tài sản: Chị L tự nguyện chịu nộp toàn bộ.

2.7. Về án phí:

Anh Trần Văn T được miễn nộp tiền án phí theo quy định pháp luật.

Anh T tự nguyện chịu nộp thay cho chị Bùi Thị L số tiền 150.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trả lại cho chị Bùi Thị L số tiền 14.100.000đ (Bằng chữ: Mười bốn triệu một trăm nghìn đồng) chị đã nộp tạm ứng theo biên lai thu tiền số: AA/2017/0009050 ngày 08/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Lô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Sông Lô;
- Chi cục THADS huyện Sông Lô;
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện Sông Lô;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Khương Đặng Khánh Hằng